

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung, mức chi đối với một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “dự thảo nghị quyết Quy định nội dung, mức chi đối với một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi đối với một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa X, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Y tế, Bộ LĐ - TB và XH (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, TC, LĐ - TB và XH, TP;
- HĐND, UBND các huyện, TX và TP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH).



CHỦ TỊCH *kh*

Lữ Văn Hùng



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi đối với một số nhiệm vụ
thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ
chi thường xuyên giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Kèm theo Nghị quyết số 11 /2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định nội dung, mức chi đối với một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên giai đoạn 2024 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách Nhà nước (ngân sách địa phương) triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Điều 2. Nội dung và mức chi chung của Chương trình

1. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn:

a) Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh “về việc quy định nội dung và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND).

b) Ngoài các nội dung chi tại điểm a khoản này, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng được sử dụng kinh phí để hỗ trợ đối tượng không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước cho các nội dung sau:

Chi hỗ trợ tiền ăn; chi phí đi lại từ nơi cư trú đến nơi học tập (một lượt đi và về); chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở đào tạo không có điều

kiện bố trí chỗ nghỉ cho học viên mà phải đi thuê) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh*” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND).

Trường hợp người học tự túc phương tiện đi lại thì được hỗ trợ chi phí đi lại bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

2. Chi tổ chức các cuộc hội nghị sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình và các hoạt động thuộc Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

3. Chi tiêu hủy bơm kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (*nếu có*) thuộc Chương trình: Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ chi tiêu hợp pháp phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện của cơ quan, đơn vị địa phương.

4. Chi sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ và hiệu chỉnh các trang thiết bị, kho bảo quản (*thuốc, phương tiện tránh thai, sinh phẩm, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất*) phục vụ hoạt động chuyên môn của từng hoạt động thuộc Chương trình: Theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Chi vận chuyển hàng hóa, mẫu bệnh phẩm, mẫu xét nghiệm từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn của từng hoạt động, máy móc, trang thiết bị; chi phí đi lại của cán bộ y tế, dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong các đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch:

a) Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện công cộng: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng.

b) Trường hợp vận chuyển theo đường bưu điện: Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành.

c) Trường hợp thuê phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc sử dụng phương tiện vận chuyển. Mức chi theo hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện.

d) Trường hợp tự túc phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ: Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng, thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

6. Thuê người dẫn đường: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “*quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia*”.

7. Chi hỗ trợ người lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc Chương trình (*riêng đối với dự án Tiêm chủng mở rộng chỉ áp dụng đối với các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt, tả, thương hàn, lỵ, thủy đậu, quai bị, cúm A, nghi dại*) trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát, bao gồm:

a) Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (*trừ mẫu dịch não tủy*): 7.000 đồng/mẫu.

b) Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy (*nếu có*): 30.000 đồng/mẫu.

8. Chi công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật tại tuyến dưới và hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn thuộc Chương trình:

a) Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

Đối với đoàn công tác kiểm tra, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định (*tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú*) cho các thành viên trong đoàn.

b) Trường hợp đi giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi của Chương trình, hoạt động, cán bộ y tế, dân số đi giám sát được hỗ trợ mức 40.000 đồng/người/ngày đi giám sát ngoài chế độ công tác phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

9. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung Chương trình:

a) Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung:

Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong, bạt (*nếu có*): Mức chi thực hiện theo hợp đồng (*trong trường hợp thuê dịch vụ*) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (*giấy biên nhận hoặc hóa đơn*).

Tiền nước uống cho người tham dự: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

Chi thù lao người thực hiện tư vấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND.

Trường hợp báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế khám, áp: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống.

b) Riêng trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: Thù

lao người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số tại địa phương quyết định.

c) Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: Được thanh toán chế độ công tác phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND và được bồi dưỡng theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

10. Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động thuộc các dự án của Chương trình bao gồm cả lồng ghép khám bệnh, chữa bệnh với khắc phục hậu quả thiên tai và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thuộc phạm vi dự án kết hợp quân dân y. Riêng đối với hoạt động Tiêm chủng mở rộng chỉ thực hiện đối với các bệnh Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt, tả, thương hàn, lỵ, thủy đậu, quai bị, cúm A, nghi dại (*sau đây viết tắt là khám sàng lọc*). Nội dung và mức chi bao gồm:

a) Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (*nếu có*). Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định hiện hành.

b) Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành.

Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước:

Người trực tiếp khám, xét nghiệm (*bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm*): 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã, phường, thị trấn.

Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã, phường, thị trấn.

c) Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phòng, bạt (*nếu có*), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

11. Chi thù lao cộng tác viên y tế, dân số tại xã, phường, thị trấn:

a) Đối tượng (*nhân viên y tế khám, áp hoặc đối tượng khác*) và số lượng cộng tác viên của từng xã: Thủ trưởng cơ quan y tế, dân số tại địa phương quyết định đối với các Chương trình, hoạt động bắt buộc phải có cộng tác viên thường xuyên.

b) Mức hỗ trợ cộng tác viên như sau: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân

dân tỉnh “*quy định mức hỗ trợ cộng tác viên dân số và chính sách khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

c) Mức hỗ trợ cộng tác viên HIV/AIDS:

- Đối với xã trọng điểm: 200.000 đồng/người/tháng.

- Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/người/tháng.

12. Chi hỗ trợ cơ sở y tế xây dựng, triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (*gồm bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tai biến mạch máu não/đột quỵ não, nhồi máu cơ tim, ung thư*) theo quy định của Bộ Y tế. Mức chi: 200.000 đồng/bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện các nội dung sau:

a) Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng vấn bệnh nhân (*nếu có*).

b) Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của Chương trình.

c) Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (*bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe*).

13. Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống phong

1. Chi mua vật dụng đặc thù để trang cấp cho bệnh nhân phong theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6 - 9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12 - 18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

3. Chi thù lao cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán: Bệnh nhân ở các xã, phường, thị trấn: 200.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 4. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống lao

1. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (*lao phổi AFB*) tại cộng đồng: Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện: Đối với các xã, phường, thị trấn: 30.000 đồng/xã/tháng.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế (*Dự án phòng, chống lao quốc gia*): Đối với các xã: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 - 8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

Điều 5. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt rét

1. Chi mua thuốc, hóa chất, bình phun hóa chất, vật tư phòng, chống sốt rét: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ tiền công tác phí cho cán bộ làm công tác xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (*từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu xét nghiệm*): 100.000 đồng/người/ngày.

4. Chi hỗ trợ cho cán bộ thực hiện xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (*từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm*): 25.000 đồng/mẫu, xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

5. Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

6. Chi trả công người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

7. Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/ngày/người.

Điều 6. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

1. Chi mua hóa chất, máy phun hóa chất, trang thiết bị, vật tư phòng, chống sốt xuất huyết: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình:

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

b) Chi hỗ trợ tiền công tác phí cho cán bộ phối hợp làm công tác xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (*từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu xét nghiệm*): 100.000 đồng/người/ngày.

c) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

d) Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

3. Hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút, người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau:

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu.

b) Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/ngày/người.

c) Chi trả công cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức chi hỗ trợ một ngày tối đa không quá 100.000 đồng/người/ngày, địa điểm và số lần thực hiện tùy vào tình hình thực tế, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 7. Nội dung và mức chi hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

1. Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần: Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

2. Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình, mức hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã/tháng.

b) Hỗ trợ nhân viên y tế khám, áp tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần cộng đồng: 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở nông thôn, ở thành thị: 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng.

Điều 8. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi công xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt: 2.000 đồng/mẫu.

4. Chi công khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát: 10.000 đồng/người được khám.

5. Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

Điều 9. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 07 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

Điều 10. Nội dung và mức chi hoạt động y tế trường học

Chi hỗ trợ lồng ghép giảng dạy các kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân:

1. Chi hỗ trợ soạn giáo trình về y tế học đường: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “*hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp*”.

2. Chi thù lao giảng viên dạy chuyên đề về y tế học đường: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND.

Điều 11. Nội dung và mức chi hoạt động Tiêm chủng mở rộng

1. Chi mua bơm kim tiêm, hộp an toàn, vật tư cho tiêm chủng mở rộng: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (*trương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin*).

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: Viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung: 2.000 đồng/trẻ/liều (*lần tiêm*).

4. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

5. Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền: 150.000 đồng/ca bệnh.

Điều 12. Nội dung, mức chi của hoạt động dân số và phát triển

1. Nội dung và mức chi hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

a) Chi bảo quản, tiếp nhận phương tiện tránh thai: Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định pháp luật về đấu thầu; chi vận chuyển phương tiện tránh thai thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Quy định này.

b) Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ khám chữa bệnh hiện hành.

c) Chi cập nhật thông tin về dân số kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về dân số kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 05 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

d) Chi hỗ trợ sửa chữa, củng cố cơ sở vật chất các kho chứa, bảo quản phương tiện tránh thai: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

đ) Chi in sổ sách ghi chép, theo dõi của cơ sở tham gia cung cấp dịch vụ dân số kế hoạch hóa gia đình; thẻ theo dõi đối tượng phục vụ mục tiêu báo cáo của chương trình. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Nội dung và mức chi hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

a) Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “*quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi*”.

b) Chi triển khai mô hình điểm về chăm sóc sức khỏe dài hạn; mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng: Mức chi thực hiện theo chi tiêu tài chính hiện hành.

3. Nội dung và mức chi hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:

a) Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 06 tháng đến 36 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng: 2.000 đồng/trẻ/liều (*lần uống*).

Điều 13. Nội dung và mức chi của hoạt động An toàn thực phẩm

1. Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm:

a) Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm.

b) Chi thù lao người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch truyền qua thực phẩm ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này: Mức hỗ trợ như sau:

Tại khu vực thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày.

Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

c) Chi xây dựng mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể tại những điểm có tổ chức nấu ăn. Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định. Nội dung và mức chi bao gồm: Chi xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/đề cương; các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành và quy định tại Nghị quyết này, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông sản và thủy sản:

a) Chi kiểm tra và giám sát về an toàn thực phẩm nông sản và thủy sản: Chi kiểm tra, giám sát: Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Quy định này.

b) Chi triển khai hoạt động đánh giá nguy cơ an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản. Nội dung và mức chi bao gồm:

Lấy mẫu, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, kiểm tra, thanh tra tăng cường các trường hợp có dấu hiệu vi phạm (*khi có cảnh báo, sự cố về an toàn thực phẩm, hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm*): Mức chi lấy mẫu kiểm tra, thanh tra theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 2 Quy định này.

3. Chi tham quan mô hình chợ bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm để xây dựng và nhân rộng mô hình tại các địa phương: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

Điều 14. Nội dung và mức chi của hoạt động Phòng, chống HIV/AIDS

1. Chi mua thuốc kháng vi rút HIV (*ARV*) cho các đối tượng chưa được thanh toán thuốc kháng vi rút HIV từ Quỹ bảo hiểm y tế, thuốc nhiễm trùng cơ hội, sinh phẩm xét nghiệm HIV, thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, bơm kim tiêm, bao cao su và các vật dụng khác cho phòng, chống HIV/AIDS: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.

2. Chi phụ cấp cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng (*số nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ do thủ trưởng cơ quan chuyên môn về y tế tại địa phương quyết định phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*).

3. Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng hàng tháng:

Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng: 10.000 đồng/thành viên/tháng, nhưng tối đa 1.200.000 đồng/nhóm/năm (*số nhóm và số lượng thành viên nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng do thủ trưởng cơ quan chuyên môn về y tế tại địa phương quyết định phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*).

Hỗ trợ tài liệu, phương tiện truyền thông, phương tiện bảo hộ lao động thu gom vật dụng can thiệp, đồng phục cho hoạt động của nhóm tuyên truyền viên đồng đảng theo định mức quy định của thủ trưởng cơ quan chuyên môn về y tế cấp tỉnh.

Điều 15. Nội dung và mức chi của hoạt động truyền thông y tế

1. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (*phát thanh, truyền hình, báo chí*); chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (*tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip)*) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về chương trình: Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: 80.000 đồng/tin, bài từ 350 từ đến dưới 600 từ; 100.000 đồng/bài từ 600 từ trở lên.

3. Chi trả nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thù lao cho người tham gia thực hiện các công việc liên quan đến tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm, người sưu tầm tài liệu, cung cấp thông tin phục vụ cho việc sáng tạo tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm về thông tin, tuyên truyền: Mức chi theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ “*quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản*”.

4. Chi tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, nói chuyện chuyên đề: Nội dung và mức chi thực hiện theo khoản 9 Điều 2 Quy định này.

5. Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép:

a) Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (*ngoài chế độ công tác phí hiện hành*): 40.000 đồng/người/ngày.

b) Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ngày. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao.

c) Bồi dưỡng phát thanh viên: 100.000 đồng/người/ngày.

d) Chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phòng, bạt, bàn, ghế, thiết bị loa, đài và các chi phí hợp lý khác: Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được duyệt.

6. Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chính sách, pháp luật, kiến thức liên quan đến chương trình, bao gồm:

a) Chi đăng báo và thông tin trên các phương tiện truyền thông để phát động và thông báo thể lệ cuộc thi: Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được giao.

b) Các khoản chi khác (*nếu có*) như: Xây dựng kịch bản; thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi; thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể, bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); văn phòng phẩm; hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*ban hành quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.
2. Nguồn kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Ngoài các chế độ, định mức nêu trên, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh các nhiệm vụ mới thì thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH